

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
THEO BỘ DỰ THẢO CÁC TIÊU CHÍ TRƯỜNG
CHẤT LƯỢNG CAO, TRƯỜNG TIẾP CẬN TRÌNH ĐỘ
CÁC NƯỚC KHU VỰC ASEAN VÀ CÁC NƯỚC PHÁT
TRIỂN THUỘC NHÓM G20
NĂM 2017

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 9 năm 2017

MỤC LỤC

	Trang
PHẦN I. TỔNG QUAN VỀ TRƯỜNG VÀ TRIỂN KHAI TỰ ĐÁNH GIÁ	1
1 Tổng quan về trường	1
1.1 Thông tin chung	1
1.2 Lịch sử phát triển và thành tích nổi bật	2
1.3 Cơ cấu tổ chức và nhân sự	3
1.4 Các nghề đào tạo và quy mô đào tạo	5
1.5 Cơ sở vật chất và tài chính	6
II Tổng quan về triển khai tự đánh giá	7
PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ	8
I Kết quả đánh giá 3 điều kiện tiên quyết	8
II. Kết quả tự đánh giá theo 5 tiêu chí	8
1. Bảng điểm tổng hợp	8
2. Kết quả đánh giá chi tiết	12
2.1 Tiêu chí 1.	12
2.2 Tiêu chí 2.	13
2.3 Tiêu chí 3.	15
2.4 Tiêu chí 4.	17
2.5 Tiêu chí 5.	18
PHẦN III. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CỦA TRƯỜNG	20
PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ	22

PHẦN I.

TỔNG QUAN VỀ TRƯỜNG VÀ TRIỂN KHAI TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Tổng quan về Trường

1.1. Thông tin chung

Tên trường: TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tên Tiếng Anh: LY TU TRONG COLLEGE OF HO CHI MINH CITY

Cơ quan chủ quản: ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ trường:

- Trụ sở chính: 390 Hoàng Văn Thụ, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Cơ sở 1: 390 Hoàng Văn Thụ, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Cơ sở 2: Xã Phú Hòa Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số điện thoại: (028) 38440567

Số fax: (028) 38118676

Email: lytutrong@littc.edu.vn

Website: www.littc.edu.vn

Năm thành lập trường:

- Năm thành lập đầu tiên: Tháng 2/1986.

- Năm nâng cấp thành trường: Ngày 03 tháng 02 năm 2005 được Bộ Giáo dục và Đào tạo nâng cấp thành Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Loại hình trường: Công lập ☒ Tư thục ☐

1.2. Lịch sử phát triển và thành tích nổi bật

1.2.1 Lịch sử phát triển

Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh tiền thân là Trường Dạy nghề Trung học Lý Tự Trọng được thành lập năm 1986. Năm 1999, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định chuyển trường thành Trường Trung học Kỹ thuật Lý Tự Trọng. Ngày 3 tháng 2 năm 2005, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ký Quyết định thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 17/7/2017, Trường nhận Quyết định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội cho phép đổi tên trường thành Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh, chính thức ghi nhận giai đoạn phát triển mới của Nhà trường với mục tiêu đào tạo đa ngành, đa nghề và theo định hướng xây dựng trường nghề chất lượng cao.

1.2.2.Những thành tích nổi bật của trường

*** Công tác tuyển sinh, phát triển mở rộng ngành nghề, nâng quy mô đào tạo:**

- Số ngành nghề hiện đã đăng ký đào tạo: 78 nghề
- Kết quả tuyển sinh năm học 2017 – 2018: 4.520HS-SV, tăng 115% so với năm học 2016 – 2017, tăng 136% so với năm 2015 – 2016 (2016 – 2017: 3.924HS-SV, năm học 2015-2016: 3.314 HSSV)
- Quy mô HSSV hiện nay trên 10.000 em và sẽ tiếp tục tăng hàng năm ở cả ba hệ đào tạo: Cao đẳng, Trung cấp và liên thông Cao đẳng.

*** Xây dựng chương trình đào tạo:**

Chương trình đào tạo các chuyên ngành có mục tiêu rõ ràng cụ thể, giáo trình đào tạo biên soạn tuân thủ mục tiêu và nội dung của các môn học trong chương trình đào tạo.

Nhà trường đã xây dựng chương trình chuyển đổi và xây dựng mới trình độ cao đẳng và trung cấp theo Luật Giáo dục nghề nghiệp (118 chương trình chuyển đổi và 53 chương trình xây dựng mới), đặc biệt năm 2017 Nhà trường tổ chức biên soạn chương trình đào tạo trình độ cao đẳng chuyên ngành cơ khí theo tiêu chuẩn ABET định hướng theo phương pháp tiếp cận CDIO.

*** Công tác giải quyết việc làm sau tốt nghiệp cho Học sinh-sinh viên**

Năm học 2016 – 2017 Nhà trường liên kết với hơn 800 doanh nghiệp đưa Học sinh – sinh viên đi thực tập, những năm gần đây chất lượng đào tạo của Nhà trường được doanh nghiệp đánh giá rất cao, học sinh chuẩn bị tốt nghiệp đã được doanh nghiệp nhận về thực tập và tiếp nhận vào làm ngay sau khi tốt nghiệp. Trong năm Trường cũng đã tiếp nhận học bổng cho Học sinh-sinh viên và tài trợ trang thiết bị đào tạo từ các doanh nghiệp gần 1,5 tỷ đồng.

*** Công tác liên kết đào tạo-hợp tác quốc tế**

Nhà trường thực hiện liên kết đào tạo, hợp tác với Trường Đại học Quốc gia Kunsan, Hàn Quốc; với tổ chức giáo dục và đào tạo F+U Sachsen, Cộng hòa Liên bang Đức và với Trường Cao đẳng Koje, Hàn Quốc, Đại học Cardiff Metropolitan Vương quốc Anh.

Nhà trường hiện đang liên kết đào tạo nghề Điện với công ty Schneider Electric Việt Nam (tổ chức huấn luyện bồi dưỡng cho 10 giáo viên khoa Công nghệ Điện – Điện tử); hợp tác với tập đoàn Schneider Electric (Cộng hòa Pháp) chiêu sinh lớp học nghề Điện miễn phí dành cho thanh thiếu niên có hoàn cảnh khó khăn, chưa có việc làm, bộ đội xuất ngũ. Đặc biệt, chương trình còn trợ cấp cho học viên khó khăn, hiếu học và có hộ khẩu thường trú ở tỉnh (trợ cấp 300 USD/ 01 suất và ký túc xá); thực hiện dự án học bổng Nữ sinh viên kỹ thuật HEEAP với công ty Intel và đại học bang Arizona Hoa Kỳ; triển khai dự án đào tạo Điện, hoàn thiện 02 phòng thực hành Điện trị giá dự án 430.000 USD do công ty Schneider Electric tại Việt Nam và công ty ECCI tài trợ theo Quyết định số 4549/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ

Chí Minh, hiện nay phòng thực hành đã đưa vào giảng dạy rất hiệu quả. Nhà trường đang thực hiện dự án hợp tác với tập đoàn Kone thành lập trung tâm đào tạo kỹ thuật viên về lĩnh vực thang máy và thang cuốn.

*** Công tác xây dựng, phát triển đội ngũ**

Nhà trường chú trọng đến công tác đào tạo, bồi dưỡng giảng viên và cán bộ quản lý đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị. Tính đến thời điểm hiện tại tỉ lệ giảng viên đạt chuẩn nghiệp vụ 100%, cán bộ quản lý có trình độ thạc sĩ quản lý giáo dục và chứng chỉ cán bộ quản lý giáo dục các trường Đại học, Cao đẳng và TCCN là 93%.

*** Phát triển cơ sở vật chất**

Nhà trường thực hiện đầu tư thiết bị dạy học theo kế hoạch chiến lược hướng đến mục tiêu hiện đại, đồng bộ hóa thiết bị dạy học. Năm học 2016-2017 tập trung đầu tư cho các ngành mũi nhọn với tổng kinh phí thực hiện gần 6 tỷ đồng.

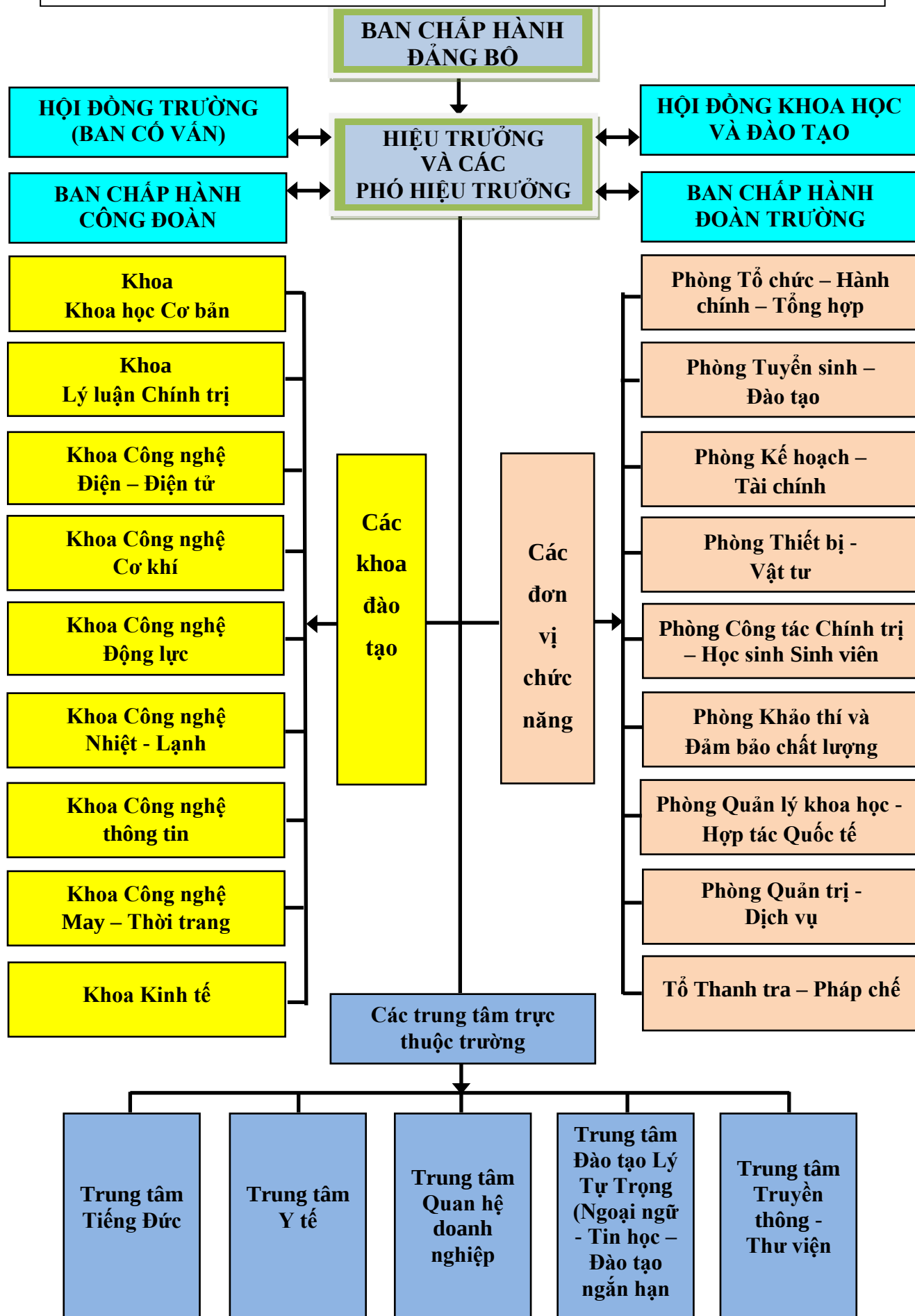
*** Thành tích đã đạt của trường:**

Huân chương Lao động Hạng III, Hạng II của Chủ tịch nước (1999 và 2004). Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Cờ thi đua đơn vị dẫn đầu ngành Giáo dục Chuyên nghiệp cả nước (1999). Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ thi đua đơn vị dẫn đầu ngành Giáo dục và Đào tạo cả nước (2000). Nhiều năm liền nhận Cờ thi đua xuất sắc của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.3.Cơ cấu tổ chức và nhân sự

1.3.1. Cơ cấu tổ chức: Hiện nay, trường có 9 khoa, 8 phòng chức năng, 4 trung tâm và 01 tổ trực thuộc

CƠ CẤU TỔ CHỨC
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



1.3.2. Cán bộ, nhân viên trong trường: 338 người

1.3.3. Đội ngũ giáo viên :

Tổng số: 225, trong đó: Nam:133, Nữ: 92

- Cơ hữu: 223 (179 GV và 44 giảng viên kiêm chức)
- Thỉnh giảng: 02 (01 trình độ đại học và 01 thạc sĩ)

Trình độ đào tạo	Tổng số
Tiến sĩ	4
Thạc sĩ	132
Đại học	87
Cao đẳng	
Trung cấp	
Công nhân bậc 5/7 trở lên	
Trình độ khác	
Tổng số	223

1.4.Các nghề đào tạo và quy mô đào tạo

Quy mô đào tạo các ngành, nghề :

Ngành (chuyên ngành)	Mã ngành	Tổng số học sinh - sinh viên tính đến 31/12/2016
+ Đào tạo tại trường (hệ chính quy)		8250
* Cao đẳng		5706
1.Ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	51510301	1265
2.Ngành Công nghệ kỹ thuật nhiệt	51510206	421
3.Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí	51510201	1298
4.Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô	51510205	1577
5.Ngành Công nghệ thông tin	51480201	838
6.Ngành Công nghệ may	51540204	307
* Cao đẳng liên thông		122
1.Ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	51510301	56
2.Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí	51510201	12
3.Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô	51510205	40
4.Ngành Công nghệ thông tin	51480201	14

Ngành (chuyên ngành)	Mã ngành	Tổng số học sinh - sinh viên tính đến 31/12/2016
* Trung cấp chuyên nghiệp		1039
1.Ngành Điện công nghiệp và dân dụng	42510308	150
2.Ngành Điện tử công nghiệp	42510315	46
3.Ngành Công nghệ kỹ thuật nhiệt	42510219	79
4.Ngành Cơ khí chế tạo	42510204	84
5.Ngành Bảo trì và sửa chữa ô tô	42510225	407
6.Ngành Công nghệ may và thời trang	42540205	61
7.Ngành Quản trị mạng máy tính	42480202	212
* Trung cấp nghề		1111
1.Ngành Điện tử công nghiệp	40510345	108
2.Ngành Điện công nghiệp	40510302	102
3.Ngành Lắp đặt thiết bị lạnh	40510257	153
4.Ngành Cắt gọt kim loại	40510201	105
5.Ngành Công nghệ Ô tô	40510222	259
6.Ngành Quản trị mạng máy tính	40480206	231
7.Ngành May thời trang	40540205	22
8.Ngành Kế toán doanh nghiệp	40340301	78
9.Ngành quản trị DN vừa và nhỏ	40340402	53
* Cao đẳng nghề		272
1.Ngành Công nghệ Ô tô	50510222	213
2.Ngành Quản trị DN vừa và nhỏ	50340402	59

1.5. Cơ sở vật chất, tài chính

1.5.1.Cơ sở vật chất

Trụ sở 1: 50.646,6 m²

Diện tích đất:

- Tổng diện tích đất : <50.646,6> m², trong đó:
 - + Diện tích xây dựng: <26.623> m²
 - + Diện tích cây xanh, lưu không: <24.023,6> m²

TT	Hạng mục, công trình	Đã xây dựng	Đang xây dựng
1	Khu hiệu bộ	2.943,46 m ²	
2	Phòng học lý thuyết	5.735 m ²	
3	Xưởng/Phòng thực hành	7.890 m ²	
4	Khu phục vụ		
4.1	Thư viện	608 m ²	
4.2	Ký túc xá	1509 m ²	
4.3	Nhà ăn	365 m ²	
4.4	Trạm y tế	49,5 m ²	
4.5	Khu thể thao	8.700 m ²	
5	Khác (xây dựng mới tòa nhà Trung tâm đào tạo thang máy thang cuốn Kone)		900 m ²

Trụ sở 2: Diện tích đất: 338.000 m² đang trong quá trình liên hệ cơ quan chức năng xin thực hiện qui hoạch.

1.5.2. Tài chính

ĐVT: đồng

Nội dung	Năm 2015	Năm 2016
1. Nguồn thu		
<i>NSNN cấp</i>	49.532.744.000	56.372.829.000
<i>Thu học phí</i>	22.180.838.701	33.877.693.450
<i>ODA</i>		
<i>Nguồn khác</i>	6.792.913.457	6.783.832.005
2. Tổng quyết toán	76.861.617.397	95.514.214.809

2. Tổng quan về triển khai tự đánh giá

Các bước triển khai:

- Nhà trường thành lập Hội đồng tự đánh giá theo tiêu chí, tiêu chuẩn trường nghề chất lượng cao theo Quyết định số 899A/QĐ-LTT-ĐBCL ngày 05 tháng 9 năm 2017.

- Xây dựng Kế hoạch số 901A/QĐ-LTT-ĐBCL ngày 05 tháng 9 năm 2017 hướng dẫn thực hiện tự đánh giá theo tiêu chí, tiêu chuẩn trường nghề chất lượng cao.

- Các đơn vị thực hiện đánh giá theo Biểu mẫu do Hội đồng tự đánh giá theo tiêu chí, tiêu chuẩn trường nghề chất lượng cao cung cấp và cung cấp minh chứng.

- Thực hiện đánh giá, thu thập, phân tích minh chứng.

- Tổng hợp kết quả đánh giá, viết báo cáo.

PHẦN II KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

I. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ 3 ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT

STT	Các điều kiện	Kết quả đánh giá (Đạt/ Không đạt)	Thuyết minh đánh giá
1	Đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp/ dạy nghề;	Đạt	Nhà trường đã hoàn chỉnh Báo cáo tự đánh giá theo quy định của Bộ Giáo dục- Đào tạo, đang triển khai kế hoạch tự đánh giá theo Bộ tiêu chí tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp trường cao đẳng, trung cấp (Thông tư số 15)
2	Có diện tích đất sử dụng tối thiểu 50.000m ²	Đạt	Diện tích đất đang sử dụng 50.646 m ² , có Quyết định về công nhận quyền sử dụng đất giáo dục và đào tạo cho Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh
3	Ít nhất 50% nhà giáo có trình độ thạc sĩ trở lên	Đạt	Nhà trường hiện có 136/223 nhà giáo (Giảng viên và giảng viên kiêm chức) có trình độ thạc sĩ trở lên và 36 giảng viên đang học sau đại học, đạt tỉ lệ 77%

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ THEO 5 TIÊU CHÍ

1. Bảng điểm tổng hợp

Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá
TỔNG	100	92
<i>Tiêu chí 1: Quy mô đào tạo, trình độ HSSV và dịch vụ hỗ trợ HSSV</i>	16	14
<i>Tiêu chuẩn 1.1.</i> Quy mô đào tạo tối thiểu là 2.000 HSSV học chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng (tính theo số học sinh, sinh viên quy đổi)	2	2
<i>Tiêu chuẩn 1.2.</i> Ít nhất 50% học sinh, sinh viên học chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng (tính theo số HSSV quy đổi) học các nghề trọng điểm.	2	2

Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chuẩn 1.3. Trên 90% HSSV nghề trọng điểm được đánh giá đạt tốt nghiệp hàng năm theo ngân hàng đề thi chung;	2	2
Tiêu chuẩn 1.4. HSSV nghề trọng điểm quốc gia đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo quy định của Bộ Thông tin Truyền thông.	2	2
Tiêu chuẩn 1.5. HSSV nghề trọng điểm quốc tế đạt chuẩn trình độ tin học quốc tế theo chương trình chuyên giao từ nước ngoài	2	0
Tiêu chuẩn 1.6. HSSV nghề trọng điểm đạt trình độ ngoại ngữ B1 trở lên theo Khung tham chiếu chung Châu Âu (bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam) hoặc tương đương	2	2
Tiêu chuẩn 1.7. Có các dịch vụ hỗ trợ HSSV (nhà ăn, khu thể thao, ký túc xá, thư viện, y tế), đáp ứng nhu cầu của HSSV.	2	2
Tiêu chuẩn 1.8. Có và thường xuyên thực hiện các hoạt động khuyến khích, hỗ trợ HSSV	2	2
Tiêu chí 2: Đào tạo gắn với nhu cầu người sử dụng lao động	22	22
Tiêu chuẩn 2.1. 80% HSSV trong vòng 1 năm sau tốt nghiệp có việc làm; trong đó: nghề trọng điểm quốc gia, khu vực, quốc tế đạt ít nhất 90%;	3	3
Tiêu chuẩn 2.2. Ít nhất 75% doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động khẳng định trình độ của HSSV tốt nghiệp từ trường hiện đang làm việc tại doanh nghiệp đáp ứng được yêu cầu công việc	3	3
Tiêu chuẩn 2.3. Tỷ lệ thời gian đào tạo thực hành cao (ít nhất <u>60%</u> tổng thời gian đào tạo), nội dung thực hành gắn với môi trường làm việc thực tế;	3	3
Tiêu chuẩn 2.4. Hiện tại, trường đang hợp tác có hiệu quả với ít nhất 10 doanh nghiệp và <u>tất cả các nghề trọng điểm quốc gia, khu vực, quốc tế của trường đều có hợp tác với ít nhất 01 doanh nghiệp.</u>	1	1
Tiêu chuẩn 2.5. Hợp/hội thảo trao đổi về đào tạo hợp tác ít nhất 2 lần một năm với doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề	1	1
Tiêu chuẩn 2.6. Doanh nghiệp /Hiệp hội nghề nghiệp tham gia vào các hoạt động: xây dựng chương trình đào tạo; xây dựng chuẩn đầu ra; đánh giá và cấp giấy chứng nhận kết quả học tập của người học	2	2
Tiêu chuẩn 2.7. Thực hiện đào tạo hợp tác theo đúng chương trình/kế hoạch tại trường và tại doanh nghiệp	3	3
Tiêu chuẩn 2.8. Trường thực hiện hợp tác/trao đổi kiến thức thường xuyên với các cán bộ đào tạo của doanh nghiệp (bao gồm cả kiến thức về sự phạm) đối với nghề đào tạo tại trường và tại doanh nghiệp	2	2

Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chuẩn 2.9. Cung cấp, tổ chức các khóa đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng cho người lao động của doanh nghiệp trong và ngoài nước.	2	2
Tiêu chuẩn 2.10. Cung cấp các khóa bồi dưỡng cho nhà giáo để nâng cao kỹ năng nghề	1	1
Tiêu chuẩn 2.11. Cung cấp các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tư vấn cho cán bộ quản lý của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp khác về tổ chức đào tạo hợp tác	1	1
Tiêu chí 3: Đội ngũ nhà giáo	25	21
Tiêu chuẩn 3.1. Đội ngũ nhà giáo đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo quy định của Bộ Thông tin Truyền thông hoặc tương đương	3	3
Tiêu chuẩn 3.2. Nhà giáo dạy nghề trọng điểm quốc tế đạt chuẩn trình độ tin học quốc tế (MOS, IC3, ...) hoặc đạt chuẩn theo chương trình chuyển giao	2	2
Tiêu chuẩn 3.3. Đội ngũ nhà giáo đạt trình độ ngoại ngữ B1 trở lên theo Khung tham chiếu chung Châu Âu (bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam) hoặc tương đương	3	2
Tiêu chuẩn 3.4. Nhà giáo dạy các nghề trọng điểm đạt trình độ B2 trở lên theo Khung tham chiếu chung Châu Âu (bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam) hoặc tương đương.	2	1
Tiêu chuẩn 3.5. Đội ngũ nhà giáo có ít nhất một năm kinh nghiệm làm việc thực tế tại các doanh nghiệp/khu vực kinh tế, kỹ thuật ở các lĩnh vực nghề liên quan	3	3
Tiêu chuẩn 3.6. Nhà giáo tham gia thực tập/bồi dưỡng/thăm quan tại các doanh nghiệp theo quy định và tối thiểu 03 tuần một năm để cập nhật kiến thức/kỹ năng/công nghệ tiên tiến	2	2
Tiêu chuẩn 3.7. Nhà giáo dạy thực hành có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 3 trở lên,	3	2
Tiêu chuẩn 3.8. Nhà giáo dạy các nghề trọng điểm quốc tế có chứng chỉ sư phạm/chứng chỉ kỹ năng nghề/chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng do tổ chức quốc tế cấp	2	2
Tiêu chuẩn 3.9. Tỷ lệ nhà giáo có trình độ thạc sỹ trở lên ít nhất là 70%.	3	3
Tiêu chuẩn 3.10. Trường có ít nhất 05 nhà giáo là đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia và có nhà giáo là đánh giá viên kỹ năng nghề quốc tế	2	1
Tiêu chí 4: Chương trình đào tạo và Cơ sở vật chất, trang thiết bị	20	19
Tiêu chuẩn 4.1: Trường xây dựng chuẩn đầu ra cho tất cả các chương trình đào tạo của trường;	2	2

Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chuẩn 4.2. Chương trình đào tạo nghề trọng điểm quốc tế áp dụng tiêu chuẩn của chương trình chuyển giao từ các nước khu vực ASEAN-4 và các nước phát triển thuộc nhóm G20.	2	2
Tiêu chuẩn 4.3. Chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu tham khảo, bài giảng của 100% mô-đun, mô học của các chương trình đào tạo các nghề trọng điểm được số hóa.	2	2
Tiêu chuẩn 4.4. Các chương trình đào tạo các nghề trọng điểm sử dụng phần mềm mô phỏng thực hành nghề đáp ứng yêu cầu giảng dạy.	2	2
Tiêu chuẩn 4.5. Diện tích đất sử dụng tối thiểu 50.000 m ² , trong đó bảo đảm diện tích phòng học, xưởng dùng cho học tập, giảng dạy bảo đảm ở mức bình quân ít nhất là 7,5 m ² /chỗ học; diện tích phòng làm việc, khu hành chính và khu hiệu bộ bảo đảm ít nhất bình quân 8 m ² /người.	2	2
Tiêu chuẩn 4.6. Cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu đào tạo để hình thành 3 kỹ năng: kỹ năng cơ bản chung của lĩnh vực nghề, kỹ năng chuyên môn nghề, kỹ năng tổng thể trong điều kiện làm việc thực tế.	3	3
Tiêu chuẩn 4.7. Thiết bị đào tạo các nghề trọng điểm phù hợp với công nghệ hiện đại áp dụng tại doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động	3	2
Tiêu chuẩn 4.8. Trường thực hiện quản lý, bảo trì, bảo dưỡng cơ sở vật chất, trang thiết bị theo đúng quy trình chuẩn	2	2
Tiêu chuẩn 4.9. Trường có và sử dụng hiệu quả trang thiết bị an toàn	2	2
Tiêu chí 5: Quản trị nhà trường hiệu quả và hội nhập quốc tế:	17	16
Tiêu chuẩn 5.1. Trường có chiến lược phát triển trường và kế hoạch trong 5 năm với các nguồn tài chính dự kiến đủ để triển khai các hoạt động, bù đắp cho các chi phí hiện tại cũng như dự phòng để tái đầu tư;	2	2
Tiêu chuẩn 5.2. Trường có ít nhất 05 kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp.	1	1
Tiêu chuẩn 5.3. Hàng năm, Trường có kế hoạch và thực hiện các hoạt động quản lý/đảm bảo chất lượng nội bộ (Khảo sát lấy ý kiến các đối tượng liên quan đến hoạt động đào tạo; nghiên cứu lần vết; đánh giá các quy trình quản lý chất lượng; dự giờ).	2	2
Tiêu chuẩn 5.4. Các kết quả từ việc thực hiện các hoạt động quản lý chất lượng được sử dụng hàng năm để nâng cao chất lượng đào tạo.	1	1

Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chuẩn 5.5. Các hoạt động quản lý văn bản; quản lý đào tạo (quản lý chương trình đào tạo, môn học, học sinh, điểm...), quản lý thư viện; kế toán; quản lý tài sản; quản lý cán bộ, giáo viên, giảng viên của trường nghề có sử dụng phần mềm phục vụ hiệu quả yêu cầu công việc (không tính phần mềm word, excel).	2	2
Tiêu chuẩn 5.6. Đội ngũ cán bộ quản lý nhà trường có chứng chỉ/bằng về nghiệp vụ quản lý giáo dục nghề nghiệp/quản lý trường học hoặc có kinh nghiệm làm việc tại vị trí tương đương.	2	2
Tiêu chuẩn 5.7. Hiệu trưởng có chứng chỉ đào tạo/bồi dưỡng quản lý giáo dục/giáo dục nghề nghiệp do tổ chức quốc tế cấp;	1	1
Tiêu chuẩn 5.8. Hàng năm có các chuyên gia phương pháp đào tạo, quản lý chất lượng và nghiên cứu ứng dụng đổi mới trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp đến trường để chia sẻ/trao đổi kinh nghiệm.	1	1
Tiêu chuẩn 5.9. Trường thực hiện các nghiên cứu ứng dụng, các dự án thí điểm về đào tạo (khóa đào tạo mới; hình thức, nội dung, phương pháp đào tạo mới; đào tạo theo mô – đun/tín chỉ, đào tạo hợp tác với doanh nghiệp...)	2	2
Tiêu chuẩn 5.10. Thường xuyên hợp tác/trao đổi nội dung liên quan đến đào tạo với các cơ sở đào tạo giáo dục nghề nghiệp/tổ chức đào tạo quốc tế	2	2
Tiêu chuẩn 5.11. Thành viên của mạng lưới nghề nghiệp/hiệp hội nghề nghiệp quốc tế	1	0

2. Kết quả đánh giá chi tiết

2.1. Tiêu chí 1: Quy mô đào tạo, trình độ HSSV và dịch vụ hỗ trợ HSSV

- Điểm chuẩn Tiêu chí	16
- Điểm tự đánh giá Tiêu chí	14

Tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm Tự đánh giá	Thuyết minh
Tiêu chuẩn 1.1. Quy mô đào tạo tối thiểu là 2.000 HSSV học chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng (tính theo số học sinh, sinh viên quy đổi)	<2>	2	Tính đến thời điểm tự đánh giá tổng số HS-SV theo học các ngành, nghề bậc GDCN và GDNN trình độ trung cấp, cao đẳng tại Trường là 9.705HS-SV
Tiêu chuẩn 1.2. Ít nhất 50% học sinh, sinh viên học chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao	<2>	2	Tổng số HS-SV theo học ngành trọng điểm: Công nghệ Ô tô, Công nghệ Điện-Điện tử,

Tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm Tự đánh giá	Thuyết minh
đăng (tính theo số HSSV quy đổi) học các nghề trọng điểm.			Công nghệ thông tin và Công nghệ Cơ khí là 8674/9.705HS, chiếm tỉ lệ 89%
Tiêu chuẩn 1.3. Trên 90% HSSV nghề trọng điểm được đánh giá đạt tốt nghiệp hàng năm theo ngân hàng đề thi chung;	2	2	100% HSSV học ngành (nghề) trọng điểm thực hiện thi ngân hàng đề thi chung
Tiêu chuẩn 1.4. HSSV nghề trọng điểm quốc gia đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo quy định của Bộ Thông tin Truyền thông.	2	2	100% HSSV nghề trọng điểm quốc gia đạt trình độ tương đương IC3 sau tốt nghiệp
Tiêu chuẩn 1.5. HSSV nghề trọng điểm quốc tế đạt chuẩn trình độ tin học quốc tế theo chương trình chuyển giao từ nước ngoài	2	0	Đang trong giai đoạn chuẩn bị triển khai trường nghề chất lượng cao, trường nghề trọng điểm
Tiêu chuẩn 1.6. HSSV nghề trọng điểm đạt trình độ ngoại ngữ B1 trở lên theo Khung tham chiếu chung Châu Âu (bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam) hoặc tương đương	2	2	100% HSSV nghề trọng điểm quốc gia đạt trình độ tương đương B1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu (bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam) sau tốt nghiệp
Tiêu chuẩn 1.7. Có các dịch vụ hỗ trợ HSSV (nhà ăn, khu thể thao, ký túc xá, thư viện, y tế), đáp ứng nhu cầu của HSSV.	2	2	Có đầy đủ các dịch vụ hỗ trợ HSSV
Tiêu chuẩn 1.8. Có và thường xuyên thực hiện các hoạt động khuyến khích, hỗ trợ HSSV	2	2	Nhà trường có quỹ học bổng khuyến khích, hỗ trợ HSSV

2.2.Tiêu chí 2: Đào tạo gắn với nhu cầu người sử dụng lao động

- Điểm chuẩn Tiêu chí	22
- Điểm tự đánh giá Tiêu chí	22

Tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm Tự đánh giá	Thuyết minh
Tiêu chuẩn 2.1. 80% HSSV trong vòng 1 năm sau tốt nghiệp có việc làm; trong đó: nghề trọng điểm quốc gia, khu vực, quốc tế đạt ít nhất 90%;	3	3	HSSV sau tốt nghiệp có việc làm đúng ngành nghề được đạt tỉ lệ 87% (cao đẳng 86%, trung cấp 88%), trong đó học sinh ngành Điện-Điện tử đạt 90% trở lên.

Tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm Tự đánh giá	Thuyết minh
Tiêu chuẩn 2.2. Ít nhất 75% doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động khẳng định trình độ của HSSV tốt nghiệp từ trường hiện đang làm việc tại doanh nghiệp đáp ứng được yêu cầu công việc	3	3	Kết thúc các đợt thực tập tốt nghiệp tại các doanh nghiệp, Nhà trường đều thực hiện khảo sát mức độ đáp ứng của HSSV đối với doanh nghiệp, kết quả khảo sát tỉ lệ hài lòng đạt 80%
Tiêu chuẩn 2.3. Tỷ lệ thời gian đào tạo thực hành cao (ít nhất 60% tổng thời gian đào tạo), nội dung thực hành gắn với môi trường làm việc thực tế;	3	3	Chương trình đào tạo nghề phân bổ 60-65% thời gian thực tập tại xưởng và thực tập tốt nghiệp tại các doanh nghiệp
Tiêu chuẩn 2.4. Hiện tại, trường đang hợp tác có hiệu quả với ít nhất 10 doanh nghiệp và <u>tất cả các nghề trọng điểm quốc gia, khu vực, quốc tế của trường đều có hợp tác với ít nhất 01 doanh nghiệp.</u>	1	1	Nhà trường hiện đang hợp tác với trên 800 doanh nghiệp, nội dung hợp tác thực tập tốt nghiệp, đào tạo ngắn hạn, bồi dưỡng nâng bậc thợ ở tất cả các nghề trọng điểm quốc gia, khu vực, quốc tế
Tiêu chuẩn 2.5. Hợp/hội thảo trao đổi về đào tạo hợp tác ít nhất 2 lần một năm với doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề	1	1	Nhà trường tổ chức các hội thảo khoa học cấp Trường 1 lần/năm, cấp khoa tối thiểu 5 lần/năm có sự tham dự của các doanh nghiệp với nhiều chủ đề đa dạng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu xã hội.
Tiêu chuẩn 2.6. Doanh nghiệp /Hiệp hội nghề nghiệp tham gia vào các hoạt động: xây dựng chương trình đào tạo; xây dựng chuẩn đầu ra; đánh giá và cấp giấy chứng nhận kết quả học tập của người học	2	2	Cuối đợt thực tập, doanh nghiệp chấm điểm kết quả thực tập tốt nghiệp của HSSV.
Tiêu chuẩn 2.7. Thực hiện đào tạo hợp tác theo đúng chương trình/kế hoạch tại trường và tại doanh nghiệp	3	3	Thực hiện đào tạo theo kế hoạch đào tạo được xây dựng vào đầu năm học.
Tiêu chuẩn 2.8. Trường thực hiện hợp tác/trao đổi kiến thức thường xuyên với các cán bộ đào tạo của doanh nghiệp (bao gồm cả kiến thức về sự phạm) đối với nghề đào tạo tại trường	2	2	Nhà trường tổ chức hội thảo trao đổi kiến thức, kinh nghiệm với các doanh nghiệp, có sự tham gia của các trường trong khối trường cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và trường nghề trong địa

Tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm Tự đánh giá	Thuyết minh
và tại doanh nghiệp			bàn thành phố ít nhất 1 lần/năm.
Tiêu chuẩn 2.9. Cung cấp, tổ chức các khóa đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng cho người lao động của doanh nghiệp trong và ngoài nước.	2	2	Tổ chức khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn cho doanh nghiệp và tham gia đào tạo nghề miễn phí cho 151 học viên là đối tượng nghèo, bộ đội xuất ngũ do Hiệp hội Năng lượng không biên giới (ESF) Cộng hòa Pháp tài trợ, tham gia đào tạo theo dự án “Thợ điện xanh”, đang triển khai đào tạo dự án “Kỹ thuật viên cơ điện chuyên nghiệp” do tập đoàn Kone Phần Lan tài trợ.
Tiêu chuẩn 2.10. Cung cấp các khóa bồi dưỡng cho nhà giáo để nâng cao kỹ năng nghề	1	1	Tổ chức bồi dưỡng cho giảng viên về công nghệ CNC, Hàn Mix, Max, Tig, cắt plasma; hướng dẫn sử dụng thiết bị dạy học ngành Động lực, Điện-Điện tử.
Tiêu chuẩn 2.11. Cung cấp các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tư vấn cho cán bộ quản lý của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp khác về tổ chức đào tạo hợp tác	1	1	Nhà trường chưa thực hiện được

2.3. Tiêu chí 3. Đội ngũ nhà giáo

- Điểm chuẩn Tiêu chí	25
- Điểm tự đánh giá Tiêu chí	21

Tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm Tự đánh giá	Thuyết minh
Tiêu chuẩn 3.1. Đội ngũ nhà giáo đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo quy định của Bộ Thông tin Truyền thông hoặc tương đương	3	3	Đội ngũ giảng viên hiện có 34 người trình độ IC3, trong đó 05 giảng viên được cấp chứng chỉ hoàn thành khóa học phương pháp giảng dạy đào tạo trình độ IC3, 188 người có trình độ Tin học cơ bản, Tin học A, Tin học văn phòng. Nhà trường đang triển khai thực hiện hồ sơ liên kết đào tạo với Tập đoàn giáo dục EMG đào tạo cho giảng viên đạt chuẩn tin học, kế hoạch đến năm 2018, 100% giảng viên đạt chuẩn tin học IC3.

Tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm Tự đánh giá	Thuyết minh
Tiêu chuẩn 3.2. Nhà giáo dạy nghề trọng điểm quốc tế đạt chuẩn trình độ tin học quốc tế (MOS, IC3, ...) hoặc đạt chuẩn theo chương trình chuyển giao	2	2	34/137 GV các nghề trọng điểm đạt chứng chỉ IC3, kế hoạch đến năm 2018, 100% giảng viên đạt chuẩn tin học IC3.
Tiêu chuẩn 3.3. Đội ngũ nhà giáo đạt trình độ ngoại ngữ B1 trở lên theo Khung tham chiếu chung Châu Âu (bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam) hoặc tương đương	3	2	Hiện có 128/223 giảng viên đạt trình độ ngoại ngữ B1 (hoặc 450 điểm TOEIC) đạt tỉ lệ 57%.
Tiêu chuẩn 3.4. Nhà giáo dạy các nghề trọng điểm đạt trình độ B2 trở lên theo Khung tham chiếu chung Châu Âu (bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam) hoặc tương đương.	2	1	Nhà trường liên kết đào tạo với Tập đoàn giáo dục EMG đào tạo trên chuẩn ngoại ngữ cho 48 giảng viên, trình độ IELTS 5.0 và 6.5, để tham gia đào tạo nghề trọng điểm cấp khu vực và quốc tế, kế hoạch đến năm 2019 có 100% giảng viên đạt và vượt chuẩn ngoại ngữ TOEIC 450.
Tiêu chuẩn 3.5. Đội ngũ nhà giáo có ít nhất một năm kinh nghiệm làm việc thực tế tại các doanh nghiệp/khu vực kinh tế, kỹ thuật ở các lĩnh vực nghề liên quan	3	3	Nhà trường có khoảng 30% GV có ít nhất 1 năm kinh nghiệm làm việc thực tế ở các doanh nghiệp.
Tiêu chuẩn 3.6. Nhà giáo tham gia thực tập/bồi dưỡng/thăm quan tại các doanh nghiệp theo quy định và tối thiểu 03 tuần một năm để cập nhật kiến thức/kỹ năng/công nghệ tiên tiến	2	2	Trong các đợt thực tập (từ 4-6 tuần) Nhà trường cử GV quản lý từng nhóm HSSV thực tập tốt nghiệp tại doanh nghiệp để cập nhật kiến thức, kỹ năng; tổ chức cho GV tham quan tại các doanh nghiệp học hỏi kinh nghiệm
Tiêu chuẩn 3.7. Nhà giáo dạy thực hành có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 3 trở lên,	3	2	Hiện có 74 giảng viên đã tốt nghiệp Đại học Sư phạm kỹ thuật (đạt chuẩn). Nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cho 149 giảng viên còn lại thực hiện vào năm 2018-2019.
Tiêu chuẩn 3.8. Nhà giáo dạy các nghề trọng điểm quốc tế có chứng chỉ sư phạm/chứng chỉ kỹ năng nghề/chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng do tổ chức quốc tế cấp	2	2	Hiện có 04 GV có chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng DSE của Đức, 05 GV tham dự tập huấn do tổ chức Temasek, Singapore tài trợ.

Tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm Tự đánh giá	Thuyết minh
Tiêu chuẩn 3.9. Tỷ lệ nhà giáo có trình độ thạc sỹ trở lên ít nhất là 70%.	3	3	138/223 GV có trình độ sau đại học, đạt tỉ lệ 77%.
Tiêu chuẩn 3.10. Trường có ít nhất 05 nhà giáo là đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia và có nhà giáo là đánh giá viên kỹ năng nghề quốc tế	2	1	

2.4. Tiêu chí 4: Chương trình đào tạo và Cơ sở vật chất, trang thiết bị

- Điểm chuẩn Tiêu chí	20
- Điểm tự đánh giá Tiêu chí	19

Tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm Tự đánh giá	Thuyết minh
Tiêu chuẩn 4.1: Trường xây dựng chuẩn đầu ra cho tất cả các chương trình đào tạo của trường;	2	2	Các chương trình đào tạo đều được xây dựng chuẩn đầu ra (kể các chương trình chuyển đổi)
Tiêu chuẩn 4.2. Chương trình đào tạo nghề trọng điểm quốc tế áp dụng tiêu chuẩn của chương trình chuyển giao từ các nước khu vực ASEAN-4 và các nước phát triển thuộc nhóm G20.	2	2	Chương trình đào tạo nghề Điện của Hiệp hội Năng lượng không biên giới (ESF), Cộng hòa Pháp được đưa vào giảng dạy.
Tiêu chuẩn 4.3. Chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu tham khảo, bài giảng của 100% mô-đun, mô học của các chương trình đào tạo các nghề trọng điểm được số hóa.	2	2	Toàn bộ nghề trọng điểm có giáo trình, tài liệu tham khảo, bài giảng điện tử
Tiêu chuẩn 4.4. Các chương trình đào tạo các nghề trọng điểm sử dụng phần mềm mô phỏng thực hành nghề đáp ứng yêu cầu giảng dạy.	2	2	Chương trình đào tạo các nghề trọng điểm có sử dụng phần mềm mô phỏng thực hành nghề.
Tiêu chuẩn 4.5. Diện tích đất sử dụng tối thiểu 50.000 m ² , trong đó bảo đảm diện tích phòng học, xưởng dùng cho học tập, giảng dạy bảo đảm ở mức bình quân ít nhất là 7,5 m ² /chỗ học; diện tích phòng làm việc, khu hành	2	2	Diện tích sử dụng khu hiệu bộ 2.943,46m ² /338CBCNV= 8,7m ² Tổng diện tích phục vụ đào tạo 25.756,5 m ² gồm: phòng học lý thuyết, phòng thực hành, thư viện, ký túc xá, nhà ăn, trạm y tế, khu thể thao được Nhà trường sắp xếp phân

Tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm Tự đánh giá	Thuyết minh
chính và khu hiệu bộ bảo đảm ít nhất bình quân 8 m ² /người.			bổ theo từng nhóm thực hành (20-25HSSV/nhóm)
Tiêu chuẩn 4.6. Cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu đào tạo để hình thành 3 kỹ năng: kỹ năng cơ bản chung của lĩnh vực nghề, kỹ năng chuyên môn nghề, kỹ năng tổng thể trong điều kiện làm việc thực tế.	3	3	Đáp ứng kỹ năng đào tạo Nhà trường quy hoạch theo từng khu vực: học lý thuyết, xưởng thực hành, phòng phương pháp, phòng chuyên môn.
Tiêu chuẩn 4.7. Thiết bị đào tạo các nghề trọng điểm phù hợp với công nghệ hiện đại áp dụng tại doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động	3	2	Do công nghệ phát triển nhanh nên thiết bị dạy học nghề trọng điểm mỗi ngành chỉ mới đáp ứng 50% công nghệ hiện đại.
Tiêu chuẩn 4.8. Trường thực hiện quản lý, bảo trì, bảo dưỡng cơ sở vật chất, trang thiết bị theo đúng quy trình chuẩn	2	2	Nhà trường thành lập Tổ bảo trì thiết bị thuộc phòng QT-DV, có xây dựng quy trình quản lý sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị.
Tiêu chuẩn 4.9. Trường có và sử dụng hiệu quả trang thiết bị an toàn	2	2	Thiết bị đào tạo được đưa vào sử dụng 100%, không để xảy ra sự cố về sử dụng an toàn thiết bị.

2.5. Tiêu chí 5: Quản trị nhà trường hiệu quả và hội nhập quốc tế

- Điểm chuẩn Tiêu chí	17
- Điểm tự đánh giá Tiêu chí	16

Tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm Tự đánh giá	Thuyết minh
Tiêu chuẩn 5.1. Trường có chiến lược phát triển trường và kế hoạch trong 5 năm với các nguồn tài chính dự kiến đủ để triển khai các hoạt động, bù đắp cho các chi phí hiện tại cũng như dự phòng để tái đầu tư;	2	2	Đã xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2015-2018 và tầm nhìn đến năm 2020
Tiêu chuẩn 5.2. Trường có ít nhất 05 kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp.	1	1	Đã có 02 nhà giáo là kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp, cử 04 giáo viên đăng ký tham gia tập huấn khóa đào tạo kiểm định viên tại Sở LĐ-TB và XH.

Tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm Tự đánh giá	Thuyết minh
Tiêu chuẩn 5.3. Hàng năm, Trường có kế hoạch và thực hiện các hoạt động quản lý/đảm bảo chất lượng nội bộ (Khảo sát lấy ý kiến các đối tượng liên quan đến hoạt động đào tạo; nghiên cứu lần vết; đánh giá các quy trình quản lý chất lượng; dự giờ).	2	2	Thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của HSSV khi kết thúc môn học và tổ chức dự giờ theo kế hoạch và đột xuất.
Tiêu chuẩn 5.4. Các kết quả từ việc thực hiện các hoạt động quản lý chất lượng được sử dụng hàng năm để nâng cao chất lượng đào tạo.	1	1	Qua công tác khảo sát, các khoa đã thường xuyên cập nhật, điều chỉnh hoạt động, phương pháp giảng dạy qua các buổi họp Hội đồng Nhà trường nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.
Tiêu chuẩn 5.5. Các hoạt động quản lý văn bản; quản lý đào tạo (quản lý chương trình đào tạo, môn học, học sinh, điểm...), quản lý thư viện; kế toán; quản lý tài sản; quản lý cán bộ, giáo viên, giảng viên của trường nghề có sử dụng phần mềm phục vụ hiệu quả yêu cầu công việc (không tính phần mềm word, excel).	2	2	Nhà trường đang sử dụng hệ thống phần mềm hành chính điện tử PMT.EMS.Education và PMT.EMS.HRM quản lý các hoạt động hành chính, nhân sự, tài chính, đào tạo, phần mềm thi trắc nghiệm online trên máy vi tính
Tiêu chuẩn 5.6. Đội ngũ cán bộ quản lý nhà trường có chứng chỉ/bằng về nghiệp vụ quản lý giáo dục nghề nghiệp/quản lý trường học hoặc có kinh nghiệm làm việc tại vị trí tương đương.	2	2	Hiện có 41/44, 93% cán bộ quản lý có trình độ thạc sĩ quản lý giáo dục và chứng chỉ cán bộ quản lý giáo dục các trường Đại học, Cao đẳng và TCCN. Có kinh nghiệm làm việc tại các vị trí ít nhất từ 5 năm trở lên.
Tiêu chuẩn 5.7. Hiệu trưởng có chứng chỉ đào tạo/bồi dưỡng quản lý giáo dục/giáo dục nghề nghiệp do tổ chức quốc tế cấp;	1	1	
Tiêu chuẩn 5.8. Hàng năm có các chuyên gia phương pháp đào tạo, quản lý chất lượng và nghiên cứu ứng dụng đổi mới trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp đến trường để chia sẻ/trao đổi kinh nghiệm.	1	1	Hội đồng khoa học Nhà trường có ít nhất 02 chuyên gia từ các Trường Đại học tham gia đóng góp, trao đổi kinh nghiệm. Mời báo cáo viên báo cáo chuyên đề kiểm định Nhà trường.
Tiêu chuẩn 5.9. Trường thực hiện các nghiên cứu ứng dụng,	2	2	Năm 2013 tổ chức thi điểm đào tạo theo tín chỉ bậc cao đẳng, năm

Tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm Tự đánh giá	Thuyết minh
các dự án thí điểm về đào tạo (khóa đào tạo mới; hình thức, nội dung, phương pháp đào tạo mới; đào tạo theo mô – đun/tín chỉ, đào tạo hợp tác với doanh nghiệp...)			2017 tổ chức đào tạo triển khai đến toàn bộ các bậc đào tạo trong Nhà trường.
Tiêu chuẩn 5.10. Thường xuyên hợp tác/trao đổi nội dung liên quan đến đào tạo với các cơ sở đào tạo giáo dục nghề nghiệp/tổ chức đào tạo quốc tế	2	2	Tổ chức hợp tác, trao đổi với các trường thông qua buổi hội thảo cấp trường, cấp khoa.
Tiêu chuẩn 5.11. Thành viên của mạng lưới nghề nghiệp/hiệp hội nghề nghiệp quốc tế	1	0	0

PHẦN III. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CỦA TRƯỜNG

1. Kế hoạch tuyển sinh

- **Giai đoạn 2017-2022:**

Năm	Địa điểm	Số liệu tuyển sinh			Qui mô đào tạo
		Tổng cộng	Hệ cao đẳng	Hệ trung cấp	
2017	Cơ sở 1	3.000	1.500	1.500	9.875
2018	Cơ sở 1	3.600	1.600	2.000	9.881
2019	Cơ sở 1	4.000	2.000	2.000	9.900
2020	Cơ sở 1	4.000	2.000	2.000	10.000
Dự kiến 2022	Cơ sở 2	1.000	500	500	1.000
CỘNG		15.600	7.600	8.000	40.656

- **Giai đoạn 2022-2030:** Quy mô đào tạo của 02 cơ sở 12.000HS-SV/năm, phân đầu tăng số nghề trọng điểm của Nhà trường lên 10 nghề.

2. Đổi mới mô hình quản lý, vận hành hệ thống đánh giá chất lượng đào tạo

Năm 2018-2020: Tổ chức thực hiện đổi mới mô hình quản lý theo hướng hiện đại, vận hành hệ thống đánh giá đảm bảo chất lượng đào tạo; hoàn thành kiểm định chất lượng Nhà trường.

Năm 2019-2020: Hoàn thành kiểm định chương trình 161 nghề đào tạo trong Nhà trường.

3. Kế hoạch tiến độ bổ sung và phát triển đội ngũ giảng viên

Số lượng	2017	2018	2019	2020
Qui mô đào tạo	9.875	9.881	9.900	10.000
Tuyển mới GV cơ hữu	30	30	30	30
Thỉnh giảng	121	91	154	129

- Cuối năm 2017, có 251 GV cơ hữu, 77% GV đạt trình độ sau đại học, trong đó có 2,5% tiến sĩ (05 GV hoàn thành nghiên cứu sinh); 60% GV có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và giao tiếp bằng tiếng nước ngoài.

- Đến năm 2018, có 281 GV cơ hữu, 80% GV đạt trình độ sau đại học, trong đó có 4% tiến sĩ (06 GV hoàn thành nghiên cứu sinh); 65% GV có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và giao tiếp bằng tiếng nước ngoài.

- Đến năm 2020, có 341 GV cơ hữu, 90% GV đạt trình độ sau đại học, trong đó có 6% tiến sĩ; 70% GV có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và giao tiếp bằng tiếng nước ngoài.

4. Kế hoạch tiến độ xây dựng cơ sở vật chất và tăng cường trang thiết bị đào tạo

• Giai đoạn 1: 2017-2020

- Cơ sở 1: Hoàn thành thủ tục pháp lý đầu tư xây dựng mở rộng 20 giảng đường, xưởng thực hành, tổng diện tích xây dựng thêm là 45.867,4 m²; Mua sắm trang thiết bị hoàn chỉnh cho 58 nghề, trong đó có 06 nghề trọng điểm để đào tạo thí điểm.

- Cơ sở 2: Hoàn thành thủ tục pháp lý đầu tư xây dựng cơ bản, tiến hành xây dựng mới cơ sở 2 tại xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi.

• Giai đoạn 2: 2021-2022

Hoàn thành công tác xây dựng và đầu tư thiết bị dạy học 22 nghề đào tạo tại cơ sở 2.

5. Kế hoạch tiến độ xây dựng, phát triển chương trình đào tạo

Năm 2017 xây dựng hoàn chỉnh chương trình đào tạo hệ CĐ, hệ TC; chương trình đào tạo nghề trọng điểm.

Hoàn thiện hệ thống giáo trình, bài giảng; điều chỉnh, bổ sung quy chế học vụ, quy chế quản lý HS-SV theo hướng chuẩn hóa quy trình và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý.

Năm 2018 thẩm định xong chương trình 161 nghề đào tạo trong đó 06 nghề trọng điểm cấp độ quốc gia, khu vực và quốc tế.

Năm 2020 hoàn thành công tác kiểm định 100% chương trình đào tạo.

6. Định hướng phát triển Nhà trường đến năm 2030:

Chuẩn bị điều kiện cần thiết phấn đấu nâng cấp Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng trở thành trường Đại học Ứng dụng trực thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; đầu tư mở rộng Trường, xây dựng đội ngũ giảng viên đáp ứng yêu cầu của trường đại học; đưa các hoạt động nhà trường đi vào ổn định; mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế và chuyển giao công nghệ.

PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề xuất, kiến nghị liên quan đến hoàn thiện bộ dự thảo tiêu chí

Trường nhất trí với bộ dự thảo tiêu chí.

2. Đề xuất, kiến nghị khác:

Không có ý kiến.

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 08 tháng 9 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG